

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MINH HƯNG QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **12**/CBTT-GMH

Quảng Trị, ngày 12 tháng 08 năm 2022

“V/v công bố BCSX 6 tháng đầu năm 2022”

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ “Công ty”**
2. Mã chứng khoán: **GMH**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Km 8, Quốc lộ 9, Phường 4, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
4. Điện thoại: 0233 3582 460 Fax: 0233 3584 809
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Đặng Sĩ Tiếp**; Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị.
6. Loại thông tin công bố:  24 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ
7. Nội dung công bố thông tin:

Công bố thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022, gồm:

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
- Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ;
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số: B 01a-DN);
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số: B 02a-DN);
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số: B 03a-DN);
- Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số: B 09a-DN).

8. Thông tin trên được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn: <http://minhhungqt.vn/congbothongtin/>

CTCP Minh Hưng Quảng Trị cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Trân trọng cảm ơn!**

**Nơi nhân:**

- Như Kính gửi;
- HĐQT, BTGD (để b/c);
- Lưu HĐQT, ĐT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐẶNG SĨ TIẾP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Đình Sung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	Thành viên
Ông Trần Cảnh Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tú	Thành viên (miễn nhiệm ngày 04 tháng 04 năm 2022)
Ông Trương Đức Trí	Thành viên
Ông Lê Đình Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 04 năm 2022)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Cảnh Bình	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Sĩ Tiếp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Đăng Vinh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2022)

#### **Ban kiểm soát**

Ông Lê Quang Hùng	Trưởng Ban (bổ nhiệm ngày 06 tháng 04 năm 2022)
Ông Võ Thanh Sơn	Trưởng Ban (miễn nhiệm ngày 04 tháng 04 năm 2022)
Ông Thái Vĩnh Đồng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 04 năm 2022)
Ông Lê Đức	Thành viên (miễn nhiệm ngày 04 tháng 04 năm 2022)
Ông Phạm Quốc Hải	Thành viên

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Đình Sung - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Đình Sung**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Ngày 10 tháng 08 năm 2022

Số: 081003/2022/BCSX-iCPA

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:      Cố đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc  
                  Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2022, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được soát xét và kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo soát xét đề ngày 10 tháng 08 năm 2021 đưa ra kết luận toàn phần và báo cáo kiểm toán đề ngày 14 tháng 03 năm 2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Trần Thiện Thanh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2018-072-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>165.751.107.826</b>	<b>171.789.505.147</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>5.803.267.803</b>	<b>11.383.921.950</b>
1. Tiền	111		5.803.267.803	11.383.921.950
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>99.434.599.720</b>	<b>101.434.599.720</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	3.434.599.720	3.434.599.720
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3	96.000.000.000	98.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.385.896.023</b>	<b>9.719.419.624</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	12.919.943.147	10.791.921.351
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	1.520.935.200	149.400.260
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.273.821.638	75.583.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1.328.803.962)	(1.297.484.987)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>45.670.180.879</b>	<b>49.063.178.675</b>
1. Hàng tồn kho	141		45.985.342.942	49.403.889.183
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(315.162.063)	(340.710.508)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>457.163.401</b>	<b>188.385.178</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	457.133.401	188.355.178
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14a	30.000	30.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>36.655.225.656</b>	<b>38.511.272.400</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35.380.678.205</b>	<b>36.682.488.276</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	35.380.678.205	36.682.488.276
- Nguyên giá	222		108.232.662.128	107.011.855.560
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.851.983.923)	(70.329.367.284)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>355.254.546</b>	<b>355.254.546</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	355.254.546	355.254.546
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>919.292.905</b>	<b>1.473.529.578</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	919.292.905	1.473.529.578
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>202.406.333.482</b>	<b>210.300.777.547</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.348.639.020</b>	<b>9.872.965.933</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>14.348.639.020</b>	<b>9.872.965.933</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	2.881.741.940	1.189.251.205
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		600.466.385	176.029.975
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14b	4.525.168.609	3.488.782.658
4. Phải trả người lao động	314		3.976.189.165	3.803.582.407
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		125.000.000	352.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	381.815.954	499.932.721
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	1.500.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		358.256.967	363.386.967
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>188.057.694.462</b>	<b>200.427.811.614</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>188.057.694.462</b>	<b>200.427.811.614</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		165.000.000.000	165.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		165.000.000.000	165.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.811.962.000	5.811.962.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		678.000.000	678.000.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		371.000.000	371.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.196.732.462	28.566.849.614
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.166.849.614	837.725.347
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.029.882.848	27.729.124.267
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>202.406.333.482</b>	<b>210.300.777.547</b>



Nguyễn Bá Hải  
Người lập biểu



Nguyễn Bá Hải  
Kế toán trưởng



Lê Đình Sung  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Ngày 10 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		78.749.294.552	93.539.391.056
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	78.749.294.552	93.539.391.056
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	58.994.592.158	71.396.815.347
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.754.702.394	22.142.575.709
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.563.521.693	1.559.473.987
7. Chi phí tài chính	22		58.420.426	142.905.607
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		58.420.426	142.905.607
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	2.661.745.232	3.305.871.922
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.000.760.556	3.742.625.330
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.597.297.873	16.510.646.837
11. Thu nhập khác	31		-	950.323
12. Chi phí khác	32	VI.6	29.786.927	14.934.066
13. Lợi nhuận khác	40		(29.786.927)	(13.983.743)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.567.510.946	16.496.663.094
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	3.537.628.098	3.308.510.885
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.029.882.848	13.188.152.209
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	850	824
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	850	824

Nguyễn Bá Hải  
Người lập biểu

Nguyễn Bá Hải  
Kế toán trưởng

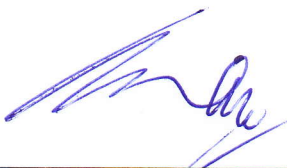



Lê Đình Sung  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Ngày 10 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>17.567.510.946</b>	<b>16.496.663.094</b>
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.660.626.413	1.776.415.472
Các khoản dự phòng	03	5.770.530	654.305.911
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.545.639.103)	(1.553.698.630)
Chi phí lãi vay	06	58.420.426	142.905.607
<b>2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>15.746.689.212</b>	<b>17.516.591.454</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(3.421.431.738)	18.716.258.231
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	3.418.546.241	(7.315.446)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	2.460.015.798	(198.532.858)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	285.458.450	224.685.491
Tiền lãi vay đã trả	14	(58.420.426)	(142.905.607)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.021.970.809)	(30.466.135)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(4.100.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>15.408.886.728</b>	<b>36.074.215.130</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.513.062.568)	(809.503.180)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(104.000.000.000)	(85.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	106.000.000.000	250.000.000
4. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.423.521.693	(250.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>3.910.459.125</b>	<b>(85.809.503.180)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.061.610.588	7.700.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.561.610.588)	(7.750.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.400.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(24.900.000.000)</b>	<b>(50.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(5.580.654.147)</b>	<b>(49.785.288.050)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.383.921.950	55.938.799.603
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.803.267.803	6.153.511.553

  
Nguyễn Bá Hải  
Người lập biểu

  
Nguyễn Bá Hải  
Kế toán trưởng

  
  
Lê Đình Sung  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Ngày 10 tháng 08 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng trị tiền thân là Nhà máy Xi măng Đông Hà được thành lập theo quyết định số 739.QĐ/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ngày 27/11/1992 và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 25/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200040982 ngày 11 tháng 09 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 cấp ngày 30 tháng 11 năm 2021.

Công ty trở thành công ty đại chúng ngày 26 tháng 7 năm 2021 theo Công văn số 3922/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cùng ngày. Công ty đã niêm yết theo Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 733/QĐ-SGDHCM ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là GMH.

Vốn điều lệ của Công ty là 165.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm tỷ đồng).

**2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công xi măng và sản xuất gạch ngói.

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở chính tại Km8, Quốc lộ 9, phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 đã được soát xét.

**6. Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 328 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 404 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chứng khoán kinh doanh (Tiếp theo)**

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán, thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc sau khi loại trừ đi các tổn thất theo quy định hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Máy móc thiết bị	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	06 - 08

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 05 tháng 05 năm 2017, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với dự án sản xuất gạch không nung bắt đầu từ năm 2018.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

01  
C  
K  
G  
D  
C  
C  
IN  
DU  
14

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	2.337.700.239	2.002.323.976
Tiền gửi ngân hàng	3.465.567.564	9.381.597.974
<b>Cộng</b>	<b>5.803.267.803</b>	<b>11.383.921.950</b>

**2. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3	3.434.599.720	(*)	-	3.434.599.720	(*)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.434.599.720</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.434.599.720</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty nắm giữ 44.275 cổ phần với mệnh giá 100.000 VND/Cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 chưa có cổ phiếu giao dịch trên sàn chứng khoán nên Công ty chưa thể đánh giá và thuyết minh giá trị hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty tại ngày 30/06/2022 phản ánh các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày thực hiện bán theo các Hợp đồng mua bán trái phiếu với các Công ty Cổ phần chứng khoán. Thời hạn từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày thực hiện bán là dưới 12 tháng. Cụ thể như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Lãi suất/năm	VND	Lãi suất/năm	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô	9,3%	71.000.000.000	9,3%	17.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	7,5%	25.000.000.000	5,4%	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	-	-	8,5%	32.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers	-	-	8,6%	25.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>96.000.000.000</b>		<b>98.000.000.000</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính.

**4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh	2.477.139.786	1.048.925.350
Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Số 1-Nhà máy sản xuất tấm lợp Tâm Châu	2.153.210.933	2.018.073.500
Các khách hàng khác	8.289.592.428	7.724.922.501
<b>Cộng</b>	<b>12.919.943.147</b>	<b>10.791.921.351</b>

**5. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty CP Xi măng VICEM Hải Vân	1.146.039.524	-
Các đối tượng khác	374.895.676	149.400.260
<b>Cộng</b>	<b>1.520.935.200</b>	<b>149.400.260</b>

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	4.000.000	4.000.000
Tạm ứng	129.821.638	48.490.500
Phải thu về lãi trái phiếu	1.140.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	23.092.500
<b>Cộng</b>	<b>1.273.821.638</b>	<b>75.583.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**7. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Xây dựng X27	225.730.000	-	225.730.000	235.730.000
Công ty Cổ phần Thành Quả	131.854.395	-	131.854.395	131.854.395
Công ty Cổ phần Xây dựng Thuận Hòa	91.825.000	-	91.825.000	91.825.000
Các đối tượng khác	1.155.934.772	276.540.205	879.394.567	322.105.450
<b>Cộng</b>	<b>1.605.344.167</b>	<b>276.540.205</b>	<b>1.328.803.962</b>	<b>322.105.450</b>
				<b>1.297.484.987</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	31.523.153.771	285.784.586	29.943.637.979	311.347.031
Công cụ, dụng cụ	1.211.236.627	29.377.477	1.141.749.160	29.363.477
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.700.163.000	-	1.685.293.000	-
Thành phẩm	11.550.789.544	-	16.633.209.044	-
<b>Cộng</b>	<b>45.985.342.942</b>	<b>315.162.063</b>	<b>49.403.889.183</b>	<b>340.710.508</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ**Km 8, Quốc lộ 9, Phường 4  
Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng TrịMẫu số B 09a-DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	57.981.539.493	34.535.558.334	14.219.757.733	275.000.000	107.011.855.560
Mua trong kỳ	-	409.572.390	1.103.490.178	-	1.513.062.568
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(292.256.000)	-	(292.256.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>57.981.539.493</b>	<b>34.945.130.724</b>	<b>15.030.991.911</b>	<b>275.000.000</b>	<b>108.232.662.128</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	33.450.719.992	23.698.765.311	12.904.881.981	275.000.000	70.329.367.284
Khấu hao trong kỳ	1.361.146.528	879.281.521	420.198.364	-	2.660.626.413
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(138.009.774)	-	(138.009.774)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>34.811.866.520</b>	<b>24.578.046.832</b>	<b>13.187.070.571</b>	<b>275.000.000</b>	<b>72.851.983.923</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu kỳ	24.530.819.501	10.836.793.023	1.314.875.752	-	36.682.488.276
Số dư cuối kỳ	23.169.672.973	10.367.083.892	1.843.921.340	-	35.380.678.205

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 59.417.376.270 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 59.417.376.270 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nhà máy với công nghiệp Minh Hưng	355.254.546	355.254.546
<b>Cộng</b>	<b>355.254.546</b>	<b>355.254.546</b>

**11. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	431.183.401	80.198.636
Chi phí trả trước khác	25.950.000	108.156.542
<b>Cộng</b>	<b>457.133.401</b>	<b>188.355.178</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	865.292.905	964.017.378
Chi phí trả trước khác	54.000.000	509.512.200
<b>Cộng</b>	<b>919.292.905</b>	<b>1.473.529.578</b>

**12. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	300.616.653	394.733.420
Các khoản phải trả, phải nộp khác	81.199.301	105.199.301
<b>Cộng</b>	<b>381.815.954</b>	<b>499.932.721</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH GYPSUM Miền Trung	1.141.072.000	1.141.072.000	-	-
Công ty TNHH Hòa Đại Phát	393.517.272	393.517.272	231.000.000	231.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	365.242.255	365.242.255	332.242.499	332.242.499
Các nhà cung cấp khác	981.910.413	981.910.413	626.008.706	626.008.706
<b>Cộng</b>	<b>2.881.741.940</b>	<b>2.881.741.940</b>	<b>1.189.251.205</b>	<b>1.189.251.205</b>

Phải trả người bán là các bên liên quan  
(Chi tiết thuyết minh số VII.1)

37.626.000 37.626.000 125.034.100 125.034.100

**14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số thực nộp, bù trừ trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>								
Các khoản phí, lệ phí, các loại thuế khác	30.000	27.926.195	27.926.195	27.926.195	27.926.195	30.000	30.000	30.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000</b>	<b>27.926.195</b>	<b>27.926.195</b>	<b>27.926.195</b>	<b>27.926.195</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>								
Thuế giá trị gia tăng	987.540.511	6.459.094.889	6.459.094.889	5.938.366.227	5.938.366.227	466.811.849	466.811.849	466.811.849
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.537.628.098	3.537.628.098	3.537.628.098	3.021.970.809	3.021.970.809	3.021.970.809	3.021.970.809	3.021.970.809
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.182.322.498	1.182.322.498	1.182.322.498	1.182.322.498	-	-	-
Thuế đất, tiền thuê đất	-	267.223.134	267.223.134	267.223.134	267.223.134	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.525.168.609</b>	<b>11.446.268.619</b>	<b>11.446.268.619</b>	<b>10.409.882.668</b>	<b>10.409.882.668</b>	<b>3.488.782.658</b>	<b>3.488.782.658</b>	<b>3.488.782.658</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ**Km 8, Quốc lộ 9, Phường 4  
Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng TrịBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính  
**Mẫu số B 09a-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****15. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị (i)	1.500.000.000	1.500.000.000	4.061.610.588	2.561.610.588	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>4.061.610.588</b>	<b>2.561.610.588</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo hợp đồng cho vay hạn mức số 2505/2022-HĐCVHIM/NHCT450-MINH HUNG ngày 31/05/2022. Hạn mức cho vay là 40 tỷ đồng. Thời gian trả nợ và lãi suất tiền vay được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 31/05/2022 đến ngày 31/05/2023. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, buôn bán vật liệu xây dựng các loại. Khoản vay được thế chấp bởi quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 835091 do UBND tỉnh Quảng Trị cấp ngày 04/08/2014.

**16. Vốn chủ sở hữu****a. Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND					
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>678.000.000</b>	<b>-</b>	<b>371.000.000</b>	<b>8.587.725.348</b>	<b>169.636.725.348</b>
Vốn góp tăng trong năm	5.000.000.000	-	5.811.962.000	-	-	-	10.811.962.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	27.729.124.267	27.729.124.267
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(7.750.000.001)	(7.750.000.001)
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>5.811.962.000</b>	<b>678.000.000</b>	<b>371.000.000</b>	<b>371.000.000</b>	<b>28.566.849.614</b>	<b>200.427.811.614</b>
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	14.029.882.848	14.029.882.848
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(26.400.000.000)	(26.400.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>5.811.962.000</b>	<b>678.000.000</b>	<b>371.000.000</b>	<b>371.000.000</b>	<b>16.196.732.462</b>	<b>188.057.694.462</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

(\*) Việc chia cổ tức năm 2021 được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 04/04/2022. Theo đó, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt số tiền 26.400.000.000 đồng tương ứng 16%/ mệnh giá cổ phiếu.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 cấp ngày 30 tháng 11 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 165.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	24.000.000.000	14,55%	24.000.000.000	14,55%
Ông Lê Đình Sung	23.161.850.000	14,04%	23.161.850.000	14,04%
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	22.500.000.000	13,64%	22.500.000.000	13,64%
Bà Trần Thiên Như An	9.119.000.000	5,53%	28.800.000.000	17,45%
Ông Lê Đình Minh	8.308.360.000	5,04%	8.308.360.000	5,04%
Các cổ đông khác	77.910.790.000	47,22%	58.229.790.000	35,29%
<b>Tổng cộng</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	16.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	16.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

**17. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh xi măng, gạch và một số vật liệu xây dựng liên quan. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày tại Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh xi măng, gạch và một số vật liệu xây dựng liên quan. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán gạch và bột đá	47.360.329.916	58.860.978.873
Doanh thu bán xi măng	30.626.980.438	33.962.195.954
Doanh thu cung cấp dịch vụ	761.984.198	716.216.229
<b>Cộng</b>	<b>78.749.294.552</b>	<b>93.539.391.056</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán gạch và bột đá	35.510.823.038	44.927.468.119
Giá vốn bán xi măng	22.834.587.589	25.177.035.008
Giá vốn cung cấp dịch vụ	674.729.976	638.006.309
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.548.445)	-
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	654.305.911
<b>Cộng</b>	<b>58.994.592.158</b>	<b>71.396.815.347</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi trái phiếu	4.558.884.336	1.160.000.000
Lãi tiền gửi, cho vay	4.637.357	399.473.987
<b>Cộng</b>	<b>4.563.521.693</b>	<b>1.559.473.987</b>

**4. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.468.651.387	2.337.422.076
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	627.182.212	579.992.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.108.212	26.010.000
Chi phí khác	563.803.421	362.447.784
<b>Cộng</b>	<b>2.661.745.232</b>	<b>3.305.871.922</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.431.169	-
Chi phí nhân công	1.732.513.568	1.707.125.640
Chi phí khấu hao TSCĐ	376.803.408	385.232.082
Thuế, phí và lệ phí	273.223.134	391.668.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	260.671.825	261.380.812
Chi phí khác bằng tiền	1.313.798.477	997.218.504
Dự phòng phải thu khó đòi	31.318.975	-
<b>Cộng</b>	<b>4.000.760.556</b>	<b>3.742.625.330</b>

**6. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	17.882.590	-
Chi phí khác	11.904.337	14.934.066
<b>Cộng</b>	<b>29.786.927</b>	<b>14.934.066</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>17.567.510.946</b>	<b>16.496.663.094</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	187.966.837	232.996.565
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	187.966.837	232.996.565
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>17.755.477.783</b>	<b>16.729.659.659</b>
Thu nhập chịu thuế suất 20%	17.620.803.198	16.331.390.506
Thu nhập chịu thuế hưởng ưu đãi giảm 50% thuế phải nộp (*)	134.674.585	398.269.153
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>3.537.628.098</b>	<b>3.306.105.017</b>
Điều chỉnh thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN kỳ này	-	2.405.868
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.537.628.098</b>	<b>3.308.510.885</b>

(\*) Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 05 tháng 05 năm 2017, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với dự án sản xuất gạch không nung bắt đầu từ năm 2018. Trong kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022, Công ty được miễn 50% số thuế phải nộp đối với dự án sản xuất gạch không nung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****8. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.029.882.848	13.188.152.209
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>14.029.882.848</b>	<b>13.188.152.209</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.500.000	16.000.000
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>850</b>	<b>824</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.863.520.585	41.120.564.016
Chi phí nhân công	16.187.068.233	17.078.587.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.660.626.413	1.776.415.472
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.548.445)	-
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	654.305.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.808.796.548	9.003.170.307
Chi phí khác bằng tiền	3.354.367.120	2.671.687.656
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	31.318.975	-
<b>Cộng</b>	<b>59.880.149.429</b>	<b>72.304.730.381</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

***Danh sách các bên liên quan:***

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Lê Đình Sung Công ty TNHH Minh Hưng	Chủ tịch HĐQT Cùng người quản lý Công ty (ông Lê Đình Minh là thành viên HĐQT, cổ đông lớn của Công ty; đồng thời là thành viên Hội đồng thành viên và Phó Giám đốc Công ty TNHH Minh Hưng)
Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh	Cùng người quản lý Công ty (Ông Nguyễn Văn Tú là thành viên HĐQT của Công ty, đồng thời là chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh)
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Cổ đông lớn
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	Cổ đông lớn
Bà Trần Thiên Như An	Cổ đông lớn
Ông Lê Đình Minh	Cổ đông lớn
Các thành viên khác trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	

***Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
<b>Bán hàng</b>	-	<b>648.517.818</b>
Công ty TNHH Minh Hưng	-	648.517.818
<b>Mua hàng</b>	<b>10.649.139.066</b>	<b>12.772.455.049</b>
Công ty TNHH Minh Hưng	919.981.975	5.511.647.958
Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh	9.729.157.091	7.260.807.091
<b>Thu hồi cho vay</b>	-	<b>50.000.000.000</b>
Ông Lê Đình Sung	-	50.000.000.000
<b>Lãi cho vay</b>	-	<b>363.698.630</b>
Ông Lê Đình Sung	-	363.698.630
<b>Tạm ứng</b>	<b>2.500.000.000</b>	-
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	2.500.000.000	-
<b>Thu hồi tạm ứng</b>	<b>2.500.000.000</b>	-
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	2.500.000.000	-

***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:***

	<u>Số cuối kỳ VND</u>	<u>Số đầu kỳ VND</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>37.626.000</b>	<b>125.034.100</b>
Công ty TNHH Minh Hưng	37.626.000	125.034.100

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

*Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:*

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Đình Sung	183.445.772	202.761.143
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	111.858.487	125.543.471
Ông Trần Cảnh Bình	120.962.537	138.569.474
Ông Đặng Sĩ Tiếp	48.973.395	48.000.000
Ông Hồ Đăng Vinh	60.971.822	-
Ông Trương Đức Trí	39.000.000	21.000.000
Ông Nguyễn Văn Tú	21.000.000	21.000.000
Ông Lê Đình Minh	18.000.000	-
Bà Lê Thị Diệu Trinh (thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 01/03/2021)	-	51.588.380
Ông Phạm Minh Thạnh (thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 01/03/2021)	-	48.056.344
<b>Cộng</b>	<b>604.212.014</b>	<b>656.518.812</b>

**2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ**

**Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:**

- Tiền thu đi vay theo kế ước thông thường: 4.061.610.588 đồng.

**Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:**

- Tiền trả nợ gốc theo kế ước thông thường: 2.561.610.588 đồng.

**3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**4. Số liệu so sánh**

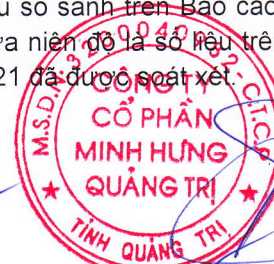
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 đã được soát xét.



Nguyễn Bá Hải  
Người lập biểu



Nguyễn Bá Hải  
Kế toán trưởng



Lê Đình Sung  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 10 tháng 08 năm 2022